



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 11 /TM-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 03 năm 2026

## THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL, Hội đồng Quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026:

- Thời gian: 8h30' ngày 27 tháng 03 năm 2026
- Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL  
Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Nội dung: theo Chương trình đính kèm
- Thành phần: tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL tại ngày đăng ký cuối cùng 24/02/2026 hoặc người được ủy quyền hợp lệ có quyền tham dự Đại hội.

Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước 15h00' ngày 25/03/2026 theo địa chỉ:

### CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569 672 – Fax: (0251) 3569 673

Sau đó các bản chính của Giấy đăng ký/ Giấy ủy quyền tham dự Đại hội phải được cung cấp cho bộ phận Tiếp tân của Ban Tổ chức Đại hội trước giờ khai mạc.

Tất cả thông tin, tài liệu liên quan tới Đại hội được cập nhật trên website: [www.nbsteel.vn](http://www.nbsteel.vn)

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569672 Fax: (0251) 3569673

Email: [thepnhabe@nbsteel.vn](mailto:thepnhabe@nbsteel.vn) - website: [www.nbsteel.vn](http://www.nbsteel.vn)



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569672 Fax: (0251) 3569673

Email: [thepnhabe@nbsteel.vn](mailto:thepnhabe@nbsteel.vn) – Website: [www.nbsteel.vn](http://www.nbsteel.vn)



### TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

*Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026*







**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**  
*Ngày 27 tháng 03 năm 2026*

**1. PHẦN NGHI THỨC**

- |               |   |
|---------------|---|
| 8h00' – 8h30' | ▪ Đón tiếp cổ đông  |
| 8h30' – 8h35' | ▪ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu  |
| 8h35' – 8h40' | ▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội  |
| 8h40' – 8h45' | ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khai mạc Đại hội, thông qua danh sách đoàn Chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội |

**2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

- |                 |   |
|-----------------|---|
| 8h45' – 9h00'   | ▪ Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội   |
| 9h00' – 9h15'   | ▪ Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026   |
| 9h15' – 9h30'   | ▪ Báo cáo của Ban Kiểm soát   |
| 9h30' – 10h00'  | ▪ Báo cáo Đại hội các tờ trình về thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán), thù lao HĐQT & BKS, phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch SXKD - Tài chính – Đầu tư năm 2026, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026. |
| 10h00' – 10h15' | ▪ Giải lao, buffet trà-cà phê   |
| 10h15' – 10h40' | ▪ Thảo luận, chất vấn và giải đáp   |
| 10h40' – 11h00' | ▪ Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội  |
| 11h00' – 11h15' | ▪ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội  |
| 11h15' – 11h25' | ▪ Thông qua biên bản Đại hội  |
| 11h30'          | ▪ Tổng kết và Bế mạc Đại hội  |

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 12 /TNB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 03 năm 2026

## QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đúng Điều lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

### I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức quy định, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ rung, khi cần thực hiện cuộc gọi thì vui lòng ra khỏi phòng họp.

### II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

#### 1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của cổ đông.
- Cổ đông hoặc đại diện sở hữu được cấp Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

**2. Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề gì, các cổ đông đồng ý thông qua thì sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

#### 3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Theo Khoản 1, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;



- Khoản 2, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

### III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

### V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

### VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả bầu cử, biểu quyết của cổ đông về các vấn đề tại Đại hội.

2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

### VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL. Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



**Dương Trung Toàn**



SỐ: 02 /BKS-TNB

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2026.

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 như sau:

### **I. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát CTCP Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên, cụ thể:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Thiệu | Trưởng ban. |
| 2. Ông Bùi Văn Vĩnh      | Thành viên. |
| 3. Bà Cù Thị Thùy Linh   | Thành viên. |

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn.

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.

- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

### **II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành**

- HĐQT Công ty đã tổ chức đầy đủ các phiên họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đề ra kế hoạch, chương trình hoạt động tiếp theo; Các nội dung cuộc họp HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và có Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo thực hiện.



- Trong năm, Ban điều hành đã kiện toàn, bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc; thường xuyên họp, chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình; công tác điều hành, quản lý và phát huy nguồn lực thực có về vốn, tận dụng tốt những thuận lợi của thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, gia tăng lợi nhuận; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của công ty; đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó là việc chỉ đạo triển khai dự án luyện thép, tiếp tục bám sát tình hình thực tế, từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát sinh với các cấp chính quyền địa phương.

Trong năm, Công ty cũng đã hoàn thành việc thay đổi Giấy phép kinh doanh, cập nhật Vốn điều lệ mới; Chuyển Trụ sở chính về Nhơn Trạch, Đồng Nai, Thành lập Văn Phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và từ đầu năm 2026 đã chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty tại Nhơn Trạch.

Dự báo thị trường năm 2026 vẫn còn nhiều khó khăn, kế hoạch sản xuất tiêu thụ đều cao hơn năm 2025, Ban lãnh đạo cần sát sao chỉ đạo công tác sản xuất, tiêu thụ, tồn kho, đảm bảo ít rủi ro nhất khi có biến động giảm giá. Năm 2026 cũng sẽ là năm Ban Lãnh đạo vừa phải đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh vừa phải khởi công, triển khai Dự án luyện thép vừa phải đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, cán bộ quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

## 1. Về tình hình tài chính:

**Bảng CĐKT của Công ty tại ngày 31/12/2025 (ĐVT: Triệu đồng)**

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	+/-	%
<b>A</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>731.105</b>	<b>484.678</b>	<b>246.427</b>	<b>50,84</b>
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>652.524</b>	<b>395.356</b>	<b>257.168</b>	<b>65,05</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	91.061	9.823	81.238	827,02
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.948		105.948	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	139.953	197.179	-57.226	-29,02
4	Hàng tồn kho	256.745	138.595	118.150	85,25
5	Tài sản ngắn hạn khác	58.817	49.759	9.058	18,20
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>78.581</b>	<b>89.322</b>	<b>-10.741</b>	<b>-12,03</b>
1	Tài sản cố định	71.912	85.352	-13.440	-15,75
	- Nguyên giá	358.384	355.165	3.219	0,91
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(286.472)	(269.813)	-16.659	6,17
2	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
	- Nguyên giá	0	1.478	-1.478	-100,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	0	(1.478)	1.478	-100,00



3	Tài sản dở dang dài hạn	5.454	3.338	2.116	63,39
4	Tài sản dài hạn khác	1.215	632	583	92,25
<b>B</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>731.105</b>	<b>484.678</b>	<b>246.427</b>	<b>50,84</b>
<b>I</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>394.944</b>	<b>302.216</b>	<b>92.728</b>	<b>30,68</b>
1	Nợ ngắn hạn	394.944	302.216	92.728	30,68
<b>II</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>336.161</b>	<b>182.462</b>	<b>153.699</b>	<b>84,24</b>

### Nhận xét:

**1.1. Tài sản:** Tổng tài sản của Công ty tăng 246.427 triệu đồng, tương ứng tăng 50,84%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn tăng 257.168 triệu đồng, tương ứng tăng 65,05%; Tài sản dài hạn giảm 10.741 triệu đồng tương ứng giảm 12,03%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

**1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:** tăng 827,02%, tương ứng tăng 81.238 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm tiền mặt là 206 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 9.879 triệu đồng (trong đó tiền gửi USD quy đổi là 24 triệu đồng), khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng thương mại, lãi suất 4,75%/năm, giá trị 80.975 triệu đồng.

**1.1.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn:** Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 7,00%/năm đến 7,40%/năm.

**1.1.3. Các khoản phải thu ngắn hạn:** Giảm 57.226 triệu đồng, tương ứng giảm 29,02% so với cùng kỳ. Phân tích một số khoản mục biến động lớn:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 135.951 triệu đồng, giảm 60.064 triệu đồng, tương ứng giảm 30,64%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam:	36.887 triệu đồng
+ Cty TNHH TMDV Thép Khương Mai:	6.082 triệu đồng
+ Cty TNHH MTV Thép Phú Xuân Việt:	6.529 triệu đồng
+ DNTN TM và GC Mười Lợi:	8.038 triệu đồng
+ Cty CP Tập đoàn Hoa Sen:	803 triệu đồng
+ Chip Mong Group LTD (Cam):	67.821 triệu đồng
+ KS Trading Co., LTD (Cam):	2.084 triệu đồng
+ YSL Trading Co., LTD (Cam):	3.245 triệu đồng
+ TS Supply All Kind of Steel Co., LTD (Cam):	3.108 triệu đồng
+ TTHL Co., LTD (Cam):	1.270 triệu đồng

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 98.980 triệu đồng, chiếm 72,81% tổng số nợ phải thu.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 3.372 triệu đồng, tăng 2.552 triệu đồng, tăng 311,22% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng lớn là một số khách hàng:

+ Cty CP Tư vấn ĐT XD Lập Việt:	297 triệu đồng
+ Cty CP Phát triển và Công nghệ TPP:	1.259 triệu đồng
+ Cty TNHH Cơ khí TM Lê Duyên Anh:	1.028 triệu đồng
+ Cty TNHH KT Công trình Tân Khoa	82 triệu đồng
+ Cty TNHH MTV TB DV KT Bách Khoa	477 triệu đồng



Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
Doanh thu thuần	1.902.880	1.391.432	511.448	36,76
Khoản phải thu đầu kỳ	197.179	97.255	99.924	102,74
Khoản phải thu cuối kỳ	139.953	197.179	-57.226	-29,02
Khoản phải thu bình quân	168.566	147.217	21.349	14,50
<b>Số vòng quay</b>	<b>11,29</b>	<b>9,45</b>	<b>1,84</b>	<b>19,44</b>
<b>Số ngày thu tiền bình quân</b>	<b>31,89</b>	<b>38,09</b>	<b>-6,20</b>	<b>-16,27</b>

Trong năm, khi doanh thu thuần tăng 36,76%, khoản phải thu bình quân chỉ tăng 14,50% so với cùng kỳ đã làm cho số vòng quay các khoản phải thu tăng 1,84 vòng, tương ứng số ngày thu tiền bình quân giảm đi 6,20 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn luân chuyển nhanh hơn nhiều so với cùng kỳ, thời gian chiếm dụng vốn của khách hàng giảm, làm tăng chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền, làm giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh.

#### 1.1.4. Hàng tồn kho:

Stt	Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	149.567	67.166	82.401	122,68
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	17.091	21.455	-4.364	-20,34
3	Phế liệu thu hồi	786	1.690	-904	-53,49
4	Công cụ, dụng cụ	444	516	-72	-13,95
5	Thành phẩm	77.780	45.712	32.068	70,15
6	Hàng gửi đi bán	11.077	2.056	9.021	438,76
	<b>Tổng</b>	<b>256.745</b>	<b>138.595</b>	<b>118.150</b>	<b>85,25</b>

Tổng giá trị hàng tồn kho tăng 118.150 triệu đồng tương ứng tăng 85,25% so với cùng kỳ, biến động chủ yếu là do tổng tồn kho phôi và thành phẩm (kể cả hàng gửi đi bán) tăng 123.490 triệu đồng, tăng 107,44%. Giá trị phụ tùng thay thế đã giảm nhiều nhưng vẫn cần được chú ý và kiểm soát.

**1.1.5. Tài sản ngắn hạn khác:** Tăng 18,20%, tương ứng tăng 9.058 triệu đồng so với cùng kỳ, sự biến động này chủ yếu là do chỉ tiêu Thuế GTGT được khấu trừ hiện là 55.821 triệu đồng, tăng 7.271 triệu đồng, tương ứng tăng 14,98% so với cùng kỳ.

**1.1.6. Tài sản dài hạn:** Giảm 10.741 triệu đồng, tương ứng giảm 12,03% so với cùng kỳ; các yếu tố biến động: TSCĐ giảm 13.440 triệu đồng tương ứng giảm 15,75% (Nguyên giá các TSCĐ tăng 3.219 triệu đồng, khấu hao là 16.659 triệu đồng); Tài sản dở dang dài hạn tăng 2.116 triệu đồng, tương ứng tăng 63,39%; Tài sản dài hạn khác tăng 583 triệu đồng, tăng 92,25% so với cùng kỳ.

**1.2. Nguồn vốn:** Tổng nguồn vốn tăng 246.427 triệu đồng, tương ứng tăng 50,84%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả tăng 92.728 triệu đồng, tương ứng tăng 30,68%; Vốn chủ sở hữu tăng 153.699 triệu đồng, tương ứng tăng 84,24%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:



**1.2.1. Nợ phải trả:** Tăng 29,39% so với cùng kỳ, biến động này là của nợ ngắn hạn. Phân tích các chỉ tiêu trong cơ cấu nợ ngắn hạn so với cùng kỳ:

**\* Biến động tăng:**

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 54.407 triệu đồng, tăng 22.020 triệu đồng, tăng 67,99% so với cùng kỳ; chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

+ Công ty CP Giao nhận kho vận NT VN:	636	triệu đồng
+ Công ty CP Kim khí Tp. HCM:	25.885	triệu đồng
+ Cty TNHH Thép Sa Mi Na:	18.600	triệu đồng
+ Cty TNHH XD và TM Miền Nam:	1.060	triệu đồng

Chiếm tỷ trọng lớn là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi), các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 207 triệu đồng, tăng 124 triệu đồng, tăng 149,407%.

c/. Phải trả người lao động là 18.857 triệu đồng tăng 11.451 triệu đồng, tăng 154,62%.

d/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 6.390 triệu đồng, tăng 1.927 triệu đồng, tăng 43,18% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí lãi vay, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	30/12/2025	30/12/2024
Chi phí tài chính	291.793.515	259.134.945
Trích trước chi phí tiền điện	1.272.515.780	253.316.279
Chi phí tiền GAS	4.745.326.686	3.910.791.412
Chi phí phải trả khác	80.000.000	40.000.000
<b>Tổng chi phí</b>	<b>6.389.635.981</b>	<b>4.463.242.636</b>

e/. Phải trả ngắn hạn khác là 2.493 triệu đồng, tăng 708 triệu đồng, tăng 39,66%, chiếm tỷ trọng lớn là khoản tiền cổ tức, lãi trái phiếu và phí thương hiệu.

f/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 311.830 triệu đồng, tăng 56.931 triệu đồng tương ứng tăng 22,33% (cùng kỳ là 254.899 triệu đồng), toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn, trong đó:

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Nhơn Trạch là: 46.288 triệu đồng, lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là: 119.959 triệu đồng, lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là: 49.999 triệu đồng, lãi suất 5,5%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Vũng Tàu là: 99.585 triệu đồng

**\* Biến động giảm:**

a/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 725 triệu đồng, giảm 395 triệu đồng, giảm 35,27% (cùng kỳ là 1.120 triệu đồng), đây là khoản thuế TNDN phải nộp của năm 2025.

b/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 34 triệu đồng, giảm 39 triệu đồng, giảm 53,42%.



**1.2.2. Vốn Chủ sở hữu:** Tăng 153.699 triệu đồng, tương ứng tăng 84,24% so với cùng kỳ, chủ yếu là do tăng vốn điều lệ theo giá trị thu được từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông lớn là TCT Thép Việt Nam.

**1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	89,25	81,57	7,68
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	10,75	18,43	-7,68
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	54,02	62,35	-8,33
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	45,98	37,65	8,33
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	1,00	0,85	0,15
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,65	1,31	0,34
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,68	0,52	0,16
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,26	0,18	0,08
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (%)	1,47	1,38	0,09
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	191	153	38

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn đã thay đổi, về tài sản giảm tỉ trọng ở tài sản dài hạn, tăng ngắn hạn, về nguồn vốn giảm tỉ trọng nợ phải trả, tăng nguồn vốn chủ sở hữu; chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng, đảm bảo khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều tăng so với cùng kỳ.

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh**

*Bảng so sánh với cùng kỳ*

Stt	Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
1	Doanh thu thuần	1.902.880	1.391.432	511.448	36,76
2	Giá vốn	1.834.843	1.333.084	501.759	37,64
3	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>68.037</b>	<b>58.348</b>	<b>9.689</b>	<b>16,61</b>
4	Doanh thu hoạt động tài chính	10.971	2.665	8.306	311,67
5	Chi phí tài chính	11.983	13.335	-1.352	-10,14
	- Chi phí lãi vay	11.428	12.292	-864	-7,03
6	Chi phí bán hàng	20.344	13.613	6.731	49,45
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.407	30.245	9.162	30,29
8	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>7.274</b>	<b>3.820</b>	<b>3.454</b>	<b>90,42</b>
9	Thu nhập khác	835	815	20	2,45
10	Chi phí khác	1.929	946	983	103,91
11	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.094)</b>	<b>(131)</b>	<b>-963</b>	<b>735,11</b>
12	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.180</b>	<b>3.689</b>	<b>2.491</b>	<b>67,53</b>
13	Thuế TNDN	1.225	1.166	59	5,06
14	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.955</b>	<b>2.523</b>	<b>2.432</b>	<b>96,39</b>

- Doanh thu thuần tăng 36,76%, trong khi giá vốn tăng 37,64% (tăng nhiều hơn so với doanh thu) so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp chỉ tăng 16,61%, tương ứng tăng 9.689 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm tăng doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	137.616	95.774	41.842	43,69
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	13,721	14,498	-0,777	-5,36
<b>Doanh thu (tr.đ)</b>	<b>1.888.274</b>	<b>1.388.545</b>	<b>499.729</b>	<b>35,99</b>
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			606.617	43,69
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			-106.888	-7,70

Qua phân tích cho thấy doanh thu tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do tăng sản lượng tiêu thụ 43,69% (41.842 tấn) đã làm doanh thu tăng 606.617 triệu đồng; giá bán bình quân giảm 5,36% làm cho doanh thu giảm 7,70%, giảm 106.888 triệu đồng so với cùng kỳ.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần giảm 90,52%, giảm 9.658 triệu đồng, chủ yếu là do tăng lãi tiền gửi và tăng lãi chênh lệch tỷ giá; về hiệu quả đòn bẩy tài chính, phân tích cụ thể như sau:

+ Tổng tiền vay đã giải ngân năm 2025/2024: 1.990.727/1.375.416 tr.đ

+ Bình quân tiền vay 01 tháng: 165.894/114.618 tr.đ

+ Tiền lãi vay bình quân 01 tháng: 952/1.024 tr.đ

Như vậy, tổng số tiền vay đã tăng 44,74%, tương ứng tăng 615.311 triệu đồng, nhưng chi phí lãi vay bình quân 01 tháng đã giảm 72 triệu đồng, giảm 7,03%, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

- Trong khi doanh thu tăng 36,76%, thì chi phí bán hàng tăng 49,45% (tăng chủ yếu ở chỉ tiêu: chi phí dịch vụ mua ngoài, tăng 113,76%), còn chi phí Quản lý Doanh nghiệp chỉ tăng 30,29%. Xét về tổng chi phí: Bán hàng, Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2025 tổng chi phí là 60.763 triệu đồng, SLTT: 137.615 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,442 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2024 tổng chi phí là 54.528 triệu đồng, SLTT: 95.774 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,569 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy, mặc dù tổng chi phí gián tiếp tăng 11,43% so với cùng kỳ nhưng chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm lại giảm 0,127 triệu đồng, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

- Lợi nhuận khác giảm 963 triệu đồng, giảm 735,11% so với cùng kỳ.

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 6.180 triệu đồng, tăng 2.491 triệu đồng, tương ứng tăng 67,53% so với cùng kỳ, vượt 23,60% kế hoạch lợi nhuận năm.

### 3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: DVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2025	Thực hiện		So sánh (%)	
		2025	2024	TH/KH	2025/2024
<b>Sản xuất</b>	<b>110.000</b>	<b>140.836</b>	<b>93.841</b>	<b>128,03</b>	<b>150,08</b>



- Thép góc	30.000	33.849	30.254	112,83	111,88
- Thép thanh	68.000	88.010	55.732	129,43	157,92
- Thép cuộn	12.000	18.977	7.855	158,14	241,59
<b>Tiêu thụ</b>	<b>110.000</b>	<b>137.616</b>	<b>95.774</b>	<b>125,10</b>	<b>143,69</b>
- Thép góc	30.000	32.152	31.050	107,17	103,55
- Thép thanh	68.000	87.255	56.220	128,31	155,20
- Thép cuộn	12.000	18.209	8.504	151,74	214,12

Nhận xét: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng so với kế hoạch và so với cùng kỳ, trong đó sản lượng tiêu thụ thép thanh và thép cuộn có sự tăng trưởng mạnh, thép góc cũng duy trì đà tăng.

- Tỷ suất LNST/Vốn CSH: 1,47%, đạt 63,91% kế hoạch (KH là 2,30%).

- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản: 0,68%, đạt 61,82% kế hoạch (KH là 1,10%).

#### **4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn:**

Về Dự án chuyển tiếp từ năm trước là “Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm” trị giá 450.000 triệu đồng: Các công tác đã thực hiện: Triển khai thực hiện 05 gói thầu tư vấn (gói 15 – Thiết kế điện; gói 16 – Thiết kế xây dựng; gói 23, 24 – Thẩm tra thiết kế điện, xây dựng; Gói thầu 25.1 – Lập HSMT, tổ chức đấu thầu gói thầu Nhà xưởng chính); Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP; Hủy thầu gói thầu số 1 - Thiết bị chính xưởng luyện thép vào tháng 11/2025, do nhà thầu không tiếp tục gia hạn hiệu lực HSDT sau 2 lần gia hạn; Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến nguồn điện 110kV; Đã được cấp GPXD và Chứng nhận thẩm duyệt TK PCCC; Cam kết tín dụng của ngân hàng MB CN Vũng Tàu.

Về đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: Có 02 hạng mục với trị giá 17.100 triệu đồng, cụ thể:

- Máy cắt đầu Block : 3.600 triệu đồng
- Cụm thiết bị gia nhiệt phôi : 13.500 triệu đồng

Ngoài ra còn 01 hạng mục đầu tư từ năm 2024 là Cụm đếm bó thép thanh. Trong năm có bổ sung thêm 01 hạng mục là: Cải tạo và nâng cấp hệ thống điều khiển, giá trị 4.200 triệu đồng và dừng thực hiện hạng mục: Máy cắt đầu Block.

Về sửa chữa lớn và XD CB, Kế hoạch của Công ty có 17 hạng mục được phê duyệt, trong năm có bổ sung 01 hạng mục XD CB (SCL: 07 hạng mục, XD CB: 11 hạng mục), với tổng giá trị 10.194 triệu đồng, trong năm, công ty đã và đang triển khai 16 hạng mục, trong đó có 13 hạng mục đã hoàn thành với giá trị 4.261 triệu đồng, 03 hạng mục đang thực hiện; 02 hạng mục không thực hiện.

Trong năm, Công ty đã mua sắm, sửa chữa và tăng 05 TSCĐ, với tổng giá trị 1.740 triệu đồng, bao gồm:

- Máy đóng đai thép góc : 33 triệu đồng
- HT thoát nước thuộc CT cải tạo và nâng cấp phụ trợ ngoài PX : 297 triệu đồng
- Bơm thủy lực PVQ40 : 70 triệu đồng
- Cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ ca : 943 triệu đồng
- Cải tạo, nâng cấp mái che bãi chứa thành phẩm : 381 triệu đồng



Ngoài ra, có 02 TSCĐ hình thành do điều chỉnh bổ sung vào năm 2024 (sau kết luận của Kiểm toán Nhà nước) với giá trị 231 triệu đồng, cụ thể:

- Trang thiết bị Hội nghị Phòng họp : 173 triệu đồng
- Xây dựng Website của Công ty : 59 triệu đồng

Về chi phí cho dự án và các hạng mục đang thực hiện, đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.454 triệu đồng, trong đó:

- Dự án đầu tư luyện thép : 3.547 triệu đồng
- Máy đếm thép thanh tự động : 1.717 triệu đồng
- Sửa chữa lớn TSCĐ : 191 triệu đồng

### **III. Ý kiến của ban kiểm soát:**

- Với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2026 có tăng trưởng so với số thực tế năm 2025, thì việc điều độ sản xuất sao cho hợp lý, hiệu quả cần phải được ưu tiên hàng đầu, nhằm giảm thấp nhất tiêu hao kim loại, gas và điện, tăng hiệu suất thiết bị; với sản lượng sản xuất gần hết công suất cho phép, sẽ là cơ hội để kéo giảm chi phí sản xuất, vì vậy phải kiểm soát chặt từ việc sử dụng vật tư, phụ tùng, giảm thiểu sự cố, hư hỏng thiết bị, giảm thời gian đổi mặt hàng; Về nguồn phôi, ngoài các đơn vị trong hệ thống, Công ty cần tiếp tục tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp phôi để đa dạng nguồn hàng, chủng loại nhất là phôi để sản xuất thép cuộn, thép góc và thép vằn cán chẻ, chủ động được nguồn phôi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Sản lượng tiêu thụ thép góc đã cao hơn kế hoạch và vượt so với cùng kỳ, đây là kết quả của nhiều giải pháp, phương án mà Công ty đã và đang áp dụng nhằm tăng thị phần thép góc, tăng các kênh phân phối, tăng thị trường xuất khẩu. Để giữ vững và có sự tăng trưởng Công ty cần tiếp tục phát huy hiệu quả các phương án, giữ được sản lượng tiêu thụ của các nhà phân phối cấp 1, có thêm các giải pháp hỗ trợ các nhà phân phối, tiếp tục tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới; Cần đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng cáo, nhận diện thương hiệu thép góc V Nhà Bè trên thị trường, nghiên cứu sản xuất các size hàng thép góc phi tiêu chuẩn theo yêu cầu và đề nghị của khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thu hồi nợ (chú ý đối tượng khách hàng Campuchia), tăng vòng quay nợ phải thu, không để nợ vượt hạn mức bảo lãnh; Thực hiện việc xin hoàn thuế GTGT khi hiện nay số dư lên tới 55.821 triệu đồng mặc dù trong quý 4 công ty đã hoàn được hơn 48.468 triệu đồng, việc xin hoàn thuế GTGT cần tăng chu kỳ lên 6 tháng/lần hoặc ngắn hơn để nguồn vốn không bị chiếm dụng; Tiếp tục đàm phán với các ngân hàng về hạn mức tín dụng, lãi suất vay trong điều kiện nhu cầu vốn lưu động cho năm 2026 sẽ tăng cao.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình sản xuất Quenching, để sản xuất các loại sản phẩm với mác thép mới đáp ứng việc dịch chuyển nhu cầu sử dụng của khách hàng trên thị trường.

- Tiếp tục duy trì các phương án quản trị, chọn và sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số phù hợp và khả thi vào công tác quản lý nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động trong công ty.

- Triển khai kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2026 bài bản, đúng quy định, công tác đầu thầu phải công khai minh bạch và sát với khả năng



tài chính của công ty. Về dự án bổ sung công đoạn luyện thép 150.000 tấn/năm, phần đầu khởi công và thực hiện các hạng mục, gói thầu đúng kế hoạch.

#### **IV. Kế hoạch hoạt động năm 2026**

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Giám sát công tác triển khai việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn; Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề, khi có yêu cầu của HĐQT, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo điều 115 Luật doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát. Báo cáo này đã được tất cả các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông TNB;
- HĐQT, Ban TGD;
- Thành viên BKS;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Quốc Thiệu**

30536  
CÔNG  
CỔ  
THÉP  
-VN  
HON TRA



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

Số: 13 /BC-TNB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 06 tháng 03 năm 2026

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2026**

### **1. Tình hình chung**

#### **1.1. Đặc điểm tình hình**

- Năm 2025 thị trường thép thế giới tiếp tục ghi nhận nhiều biến động và tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt chịu ảnh hưởng lớn từ Trung Quốc – quốc gia sản xuất và xuất khẩu lớn nhất toàn cầu - giữ vai trò chi phối. Trong bối cảnh nhu cầu thép toàn cầu phục hồi chậm và chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, các điều chỉnh trong chính sách sản xuất, xuất khẩu tại Trung Quốc tạo ra những tác động ảnh hưởng đến thị trường thép Việt Nam.

- Ngành thép Việt Nam: kênh xuất khẩu tiếp tục chịu áp lực từ các biện pháp phòng vệ thương mại và cạnh tranh giá gay gắt. Thị trường nội địa tăng trưởng sản xuất và tiêu thụ nhờ đầu tư công được đẩy mạnh, hoạt động xây dựng – công nghiệp từng bước phục hồi, các dự án trọng điểm đã được triển khai tạo nền tảng cho sự cải thiện của cầu thép trong nước.

#### **1.2. Đặc điểm tình hình của Công ty**

##### **1.2.1. Thuận lợi**

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng sản lượng tiêu thụ, giảm chi phí, giữ đội ngũ lao động ổn định.

- Hệ thống quản trị trong sản xuất phát huy hiệu quả góp phần kiểm soát được công nghệ, kiểm soát chất lượng với tỷ trọng sản phẩm lỗi, sản phẩm có bề mặt xấu, nhám... giảm dần, chất lượng hình thức đóng bó được cải thiện, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm thép /V/ trên thị trường.

##### **1.2.2. Khó khăn**

- Các sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn và thép góc đều được sản xuất trên cùng dàn cán Pomini do đó phải đổi mặt hàng nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu suất sử dụng thiết bị, công tác điều độ gặp nhiều khó khăn. Công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu phôi thép, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc lớn vào sự chênh lệch giữa giá phôi thép và giá bán thép thành phẩm. Sản phẩm thép /V/ trên thị trường bị cạnh tranh mạnh về giá bán và chi phí sản xuất.

- Sản phẩm thép góc là chủng loại cỡ nhỏ mặc dù có uy tín chất lượng nhưng bị hạn chế khi tham gia đơn hàng công trình, bị cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm cùng loại có chất



lượng kém hơn với giá rẻ, bị dân thay thế trong dân dụng bởi các sản phẩm thép hộp...vì vậy khó mở rộng thị phần để tăng sản lượng.

- Thị trường xuất khẩu Campuchia tiêu thụ chậm và chịu nhiều sức ép khi giá Thép Trung Quốc và Đông Nam Á tiếp tục chào giá thành phẩm giảm sâu. Thép vẫn thương hiệu Thép Miền Nam /V/ bị cạnh tranh mạnh về giá xuất khẩu với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về quy mô, công nghệ.

- Năng lực tài chính của Công ty hạn chế, nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu mua nguyên liệu phối thép chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Đặc biệt trong những tháng tiêu thụ thấp, rất khó khăn cho các khoản vay nợ ngắn hạn.

## **2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **2.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên**

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Dương Trung Toàn - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty, được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 07/03/2025.

- Ông Nguyễn Minh Tính - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.

- Ông Nguyễn Hữu Khánh – Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn.

- Ông Phạm Công Dũng – Thành viên không điều hành, Chánh Văn phòng Tổng công ty, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty Thép Việt Nam. Ông Phạm Công Dũng được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng trị Công ty theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 17/01/2025 và miễn nhiệm giữ chức thành viên Hội Đồng Quản Trị vào ngày 07/03/2025, tiếp tục giữ chức Thành viên HĐQT công ty.

- Bà Nguyễn Thúy Ly - Thành viên không điều hành cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty.

### **2.2. Ban hành các quy chế hoạt động**

- Trong năm Hội đồng quản trị đã sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động do phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ Công ty

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của công ty phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành, tạo hành lang pháp lý trong hoạt động SXKD.

### **2.3. Các cuộc họp HĐQT**

- Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 03/2025 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2025, thông qua các quy chế, các giải pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc và ra nghị quyết để tổ chức thực hiện.

### **2.4. Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và Ban điều hành**

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc:

- Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch và các phương án đầu tư của Công ty.
- Giám sát, đôn đốc theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Đánh giá tình hình tài chính, kiểm soát nội bộ, báo cáo tài chính và quản lý rủi ro để đảm bảo tính minh bạch và an toàn.
- Công tác tổ chức nhân sự: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá hiệu quả công việc, quyết định mức lương, thưởng và tổ chức bộ máy của Công ty.
- Đảm bảo Ban điều hành hoạt động, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **2.5. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT**

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh tiếp thị, chiến lược đầu tư, ...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

## **3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2025**

### **3.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2025**

#### **3.1.1. Kế hoạch năm 2025**

- Sản xuất - tiêu thụ: 110.000 tấn thép cán
- Doanh thu thuần: 1.602 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5 tỷ đồng

#### **3.1.2. Thực hiện năm 2025**

- Doanh thu thuần đạt: 1.902,881 tỷ đồng, bằng 118,80% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,180 tỷ đồng.
- Tiền lương:
  - + Tổng quỹ lương của người lao động: 35.023,00 triệu đồng
  - + Tổng quỹ lương của người quản lý chuyên trách: 1.025,00 triệu đồng
  - + Tổng quỹ thù lao của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách: 264 triệu đồng.

### **3.2. Những nội dung đã thực hiện**

#### **3.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh**

*(Xin mời tham khảo các bản phụ lục 01, 02 của báo cáo)*

**3.2.2. Công tác tài chính doanh nghiệp:** thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước,



quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

### 3.2.3. Công tác đầu tư mua sắm – sửa chữa nâng cấp TSCĐ

#### - Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ:

- + Máy cắt đầu Block: Dừng thực hiện
- + Cụm đếm tách thép thanh: Đã hoàn thành lắp đặt, đang chạy thử nghiệm thu
- + Cụm thiết bị gia nhiệt thổi: Chưa thực hiện.
- + Nâng cấp hệ thống điều khiển: Đang thực hiện
- + Cải tạo nâng cấp máy cán góc hình: Đang thực hiện
- + Cải tạo nâng cấp mạng điện phân xưởng: Đang thực hiện

#### - Sửa chữa lớn thiết bị:

- + Đã hoàn thành: 4/7 hạng mục
- + Đang thực hiện: 2/7 hạng mục
- + Chưa thực hiện: 1/7 hạng mục

#### - Xây dựng cơ bản:

- + Hoàn thành: 9/11 hạng mục
- + Đang thực hiện: 1/11 hạng mục
- + Chưa thực hiện: 1/11 hạng mục

STT	Tên hạng mục	Dự toán được duyệt (Đồng)	Quyết toán (Đồng)	Ghi chú
<b>Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ</b>				
1	Máy cắt đầu Block			Dừng thực hiện
2	Cụm đếm tách thép thanh	2.254.500.000	2.249.700.000	Đã hoàn thành lắp đặt, đang chạy thử nghiệm thu
3	Cụm thiết bị gia nhiệt thổi	13.500.000.000		Chưa thực hiện
4	Nâng cấp hệ thống điều khiển	4.200.000.000		Đang thực hiện
5	Cải tạo nâng cấp máy cán góc hình	2.000.000.000		Đang thực hiện

6	Cải tạo nâng cấp mạng điện phân xưởng	970.000.000		Đang thực hiện
<b>Sửa chữa lớn thiết bị</b>				
1	SCL cụm giá cán K2	300.000.000	247.500.000	Đã hoàn thành
2	Bảo trì biến tần DC-ABB	380.000.000		Chuyển tiếp 2026
3	Bảo trì biến tần AC-ABB	400.000.000	336.138.120	Đã hoàn thành
4	Lò nung	5.700.000.000		Đang thực hiện
5	Cải tạo nâng cấp cụm máy cán thô	190.000.000	194.929.823	Đã hoàn thành
6	Cải tạo nâng cấp phụ trợ trong phân xưởng (bể lắng xỉ)	480.000.000	101.466.600	Đã hoàn thành
7	Sửa chữa máy CNC 2680	380.000.000	395.280.000	Đang thực hiện
<b>Sửa chữa lớn XDCB</b>				
1	Sửa chữa mái nhà ăn	280.000.000	116.936.335	Đã hoàn thành
2	Cải tạo nâng cấp nhà nghỉ ca PX Luyện	600.000.000	985.745.765	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa thường xuyên	300.000.000	610.861.228	Đã hoàn thành
4	Hệ thống nước tưới cây	100.000.000	80.303.700	Đã hoàn thành
5	Sửa chữa mái che bãi chứa thành phẩm	100.000.000	94.234.968	Đã hoàn thành
6	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	600.000.000	969.840.000	Đang thực hiện
7	Cải tạo nâng cấp nhà nghỉ ca PX Cán	338.910.000		Chưa thực hiện
8	Cải tạo nâng cấp phụ trợ ngoài phân xưởng (hệ thống thoát nước)	325.000.000	320.932.957	Đã hoàn thành
9	Cải tạo nâng cấp mái che bãi chứa thành phẩm ô số 3+4	400.000.000	428.379.979	Đã hoàn thành
10	Sửa chữa cửa + tôn vách lấy sáng nhà xưởng	400.000.000	381.328.560	Đã hoàn thành
11	Sơn sửa khu vực nhà văn phòng, phân xưởng cán	370.000.000	362.732.680	Đã hoàn thành



### **3.2.4. Công tác Dự án đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm:**

+ Các công tác đã thực hiện: Triển khai thực hiện 05 gói thầu tư vấn (gói 15 – Thiết kế điện; gói 16 – Thiết kế xây dựng; gói 23, 24 – Thẩm tra thiết kế điện, xây dựng; Gói thầu 25.1 – Lập HSMT, tổ chức đấu thầu gói thầu Nhà xưởng chính); Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Thép VN – CTCP cũng như đăng ký giao dịch bổ sung; Hủy thầu gói thầu số 1 - Thiết bị chính xưởng luyện thép vào tháng 11/2025, do nhà thầu không tiếp tục gia hạn hiệu lực HSDT sau 2 lần gia hạn; Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến nguồn điện 110kV; Đã được cấp GPXD và Chứng nhận thẩm duyệt TK PCCC; Cam kết tín dụng của NH MB CN Vũng Tàu

+ Các công tác đang và sắp triển khai: Cập nhật và phê duyệt KHLCNT điều chỉnh; Ký hợp đồng tín dụng; Hoàn thành thủ tục đầu tư nguồn điện 110kV; Tổ chức triển khai các gói thầu của dự án

+ Giá trị thực hiện giải ngân: 4.077 triệu đồng

### **3.2.5. Công tác Kỹ thuật cơ điện an toàn và chất lượng sản phẩm:**

+ Duy trì việc triển khai các phương án quản trị sản xuất, phương án quản trị thiết bị nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất.

+ Thiết bị máy cán được duy trì ổn định, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, đáp ứng yêu cầu nâng cao sản lượng trong năm.

+ Khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư góp phần cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, nâng cao năng suất lao động.

+ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001/2015 và ISO/IEC 17025-2017 được vận hành ổn định. Công tác quản trị chất lượng sản phẩm luôn được chú trọng và duy trì thực hiện đúng các quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn trong sản xuất (như ổn định bazem, chất lượng bề mặt, đóng gói sản phẩm...vv) góp phần đảm bảo CLSP trước khi ra thị trường đúng với các tiêu chuẩn và qui chuẩn được công bố. Trong năm qua việc đẩy mạnh khai thác các ứng dụng công nghệ vào trong quản trị chất lượng sản phẩm đã góp phần nâng cao sự chính xác về số liệu và tính cập nhật, phục vụ tốt cho công tác quản lý thành phẩm và bán hàng. Các bộ phận QLCL - KHKD - PX Cán luôn có sự phối hợp tốt trong công tác này, việc xử lý kịp thời và thỏa đáng những thông tin phản hồi từ khách hàng, góp phần mang lại sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu Thép /V/. - Tuy nhiên, trong năm vẫn còn 04 khiếu nại khách hàng như: thép góc 75x75x9 - cong vênh; thép vằn D10; D12 bị thiếu cây và lẫn thép ngắn trong bó. Tất cả khiếu nại đã được xử lý đúng quy trình, kịp thời và thỏa đáng.

### **3.2.6. Công tác tổ chức lao động và quản trị văn phòng**

- Lao động đầu năm 150, cuối năm 174 người. Bình quân năm 163 người.

- Tổ chức sắp xếp lại lao động, tinh giảm bộ máy, giải quyết thôi việc: 18, tuyển dụng bổ sung 42 lao động.

- Rà soát quy hoạch cán bộ quản lý các cấp, làm tốt công tác đánh giá cán bộ quản lý, trong năm đã thực hiện tiếp nhận, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Luân chuyển 01 Trưởng phòng và Quản đốc Phân xưởng.



- Duy trì việc trả lương sản phẩm theo năng suất chất lượng và hiệu quả SXKD. Thu nhập bình quân năm đạt 22,92 triệu đồng/người/tháng.

- Rà soát tổ chức sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, công tác tuyển dụng lao động kỹ thuật khó khăn, bằng các chính sách đã giữ chân đội ngũ lao động ổn định. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí,... được thực hiện đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Công tác bảo vệ an ninh trật tự - an toàn doanh nghiệp được quan tâm chu đáo, lực lượng bảo vệ chuyên trách, tự vệ và PCCC của Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy vai trò của mạng lưới bảo vệ quần chúng ngăn chặn các vụ việc tiêu cực trong đơn vị, bảo vệ an toàn tuyệt đối tài sản, thiết bị và trật tự an ninh trong địa bàn nhất là vào các dịp lễ, Tết. Giữ mối quan hệ công tác chặt chẽ với các cơ quan công an, quân sự và chính quyền địa phương trong phong trào xây dựng địa bàn an toàn.

- Thực hiện công tác đào tạo chuyên đề, đào tạo kèm cặp, đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý lãnh đạo đơn vị. Trong năm Công ty đã có 280 lượt người tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ATLĐ, quản trị chất lượng toàn diện,... nâng bậc lương cho 40 lao động, đã có tác dụng thiết thực phục vụ cho hoạt động của Công ty.

- Triển khai các phần mềm ứng dụng đảm bảo hoạt động điều hành của Lãnh đạo công ty, công tác sản xuất, bán hàng được xuyên suốt.

- Tiếp tục duy trì ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý, đã mang lại hiệu quả nhất định. Các hạng mục đầu tư đưa vào hoạt động đã tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm nguồn lực lao động.

- Hoạt động phân tích tài chính và định mức chi phí hàng tháng được duy trì giúp kiểm soát chi phí và tăng cường hơn nữa công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ý thức cho người lao động, đặc biệt là kiểm soát chi tiêu tiêu hao điện, gas, phôi.

- Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, kết quả trong năm đã có 22 sáng kiến, giải pháp đã được công nhận.

- Chú trọng công tác quản lý đất đai công ty được giao và thuê, triển khai công tác đầu tư Dự án luyện thép để khai thác quỹ đất còn dư nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Xây dựng các phương án quản trị thiết bị, quản trị sản xuất, phương án về cấu trúc của Công ty khi Dự án bổ sung công đoạn luyện thép đi vào hoạt động.

- Hoàn tất thủ tục chuyển địa chỉ của Công ty từ TP. Hồ Chí Minh về Đồng Nai, thành lập Văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

### **3.3. Những tồn tại**

- Công tác nghiên cứu, nhận định thị trường, điều độ sản xuất, tối ưu hóa sản lượng tồn kho chưa hiệu quả, chưa tận dụng được cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho công ty.

- Trong công nghệ và quản lý thiết bị: khả năng dự báo hư hỏng, chất lượng sửa chữa bảo trì bảo dưỡng thiết bị chưa tốt, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật đồng bộ, chưa tuân thủ nghiêm túc phương án, quy định, quy trình trong quản trị sản xuất.

- Công tác quản lý CLSP đã có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, trong năm vẫn còn xảy ra bốn khiếu nại khách hàng, việc triển khai thực hiện quản trị chất lượng phần nào vẫn còn hạn chế, barem sản xuất chưa ổn định, một số vấn đề về sản phẩm góc bị cong vênh.





- Công tác tuyển dụng thu hút lao động có trình độ chuyên môn và lao động kỹ thuật tại địa bàn Nhơn Trạch khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Công tác đào tạo chưa theo kịp yêu cầu phần do điều kiện học tập bị hạn chế do điều kiện làm việc và đi lại, công tác đào tạo kèm cặp nhân lực trực tiếp sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác triển khai xây dựng và áp dụng một số phương án quản trị, chương trình hành động còn chậm, mang tính nghiệp vụ, chưa tạo ra sự đổi mới, đột phá và hiệu quả chưa cao.

- Chưa hoàn thành công tác giải thể Chi nhánh Nhơn Trạch, do đang chờ Cục thuế ra quyết định quyết toán thuế..

- Tiến độ thực hiện tổng thể của dự án luyện thép chậm trễ do khó khăn trong việc triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cho dự án, như: quy hoạch 1/500, giấy phép xây dựng, thủ tục pháp lý cho đường điện 110kV cấp nguồn cho dự án, thỏa thuận tài trợ vốn của các ngân hàng,...

## **4. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2026**

### **4.1. Nhận định tình hình thị trường**

- Xung đột chính trị trên thế giới đã làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát leo thang, kinh tế suy giảm, an ninh năng lượng bị đe dọa... đã làm gia tăng lo ngại về tình trạng lạm phát, đình trệ của kinh tế thế giới, đặt kinh tế toàn cầu vào những khó khăn mới.

- Nhu cầu thép toàn cầu suy giảm mạnh trong đó đặc biệt là thị trường Trung Quốc, do những bất ổn trên thị trường bất động sản, nguồn cung dư thừa tại Trung Quốc thúc đẩy các doanh nghiệp nước này đẩy mạnh xuất khẩu với giá thấp, tạo áp lực cạnh tranh lớn cho các nhà sản xuất trong nước, ngành thép không thuận lợi khi nhu cầu thép trên thế giới giảm.

- Tiêu thụ thép nội địa tiếp tục được cải thiện, khi thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi và hoạt động đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên, chi phí sản xuất (nguyên liệu, năng lượng, tài chính) duy trì ở mức cao trong khi giá bán chịu áp lực cạnh tranh mạnh, dẫn đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp thép khó được cải thiện rõ rệt, hiệu quả SXKD không cao.

- Nhìn chung, thị trường thép năm 2026 được dự báo duy trì mức độ cạnh tranh gay gắt, công tác điều hành cần chủ động, linh hoạt, tối ưu chi phí và duy trì ổn định thị trường tiêu thụ.

### **4.2. Tình hình Công ty**

#### **4.2.1. Thuận lợi**

- Sản phẩm được sản xuất trên dàn cán Pomini với năng lực sản xuất 150.000 tấn/năm. Máy móc thiết bị luôn được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sẵn sàng hoạt động tối đa công suất khi thị trường hút hàng.

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng năng suất, giảm chi phí giá thành, tăng sản lượng tiêu thụ.

#### **4.2.2. Khó khăn, hạn chế**

- Do tất cả sản phẩm đều sản xuất trên cùng một dàn cán Pomini nên mất nhiều thời gian để đổi mặt hàng, làm giảm năng suất cán và tăng tiêu hao các nguyên liệu đầu vào, làm tăng chi phí cho công ty.

- Sản phẩm thép vằn và thép cuộn sản xuất tại Công ty chủ yếu là phục vụ nhu cầu dân dụng, nhiều Công ty sản xuất sản phẩm cùng loại đang gia tăng sản lượng vào thị trường truyền thống của hệ thống thép /V/.

- Sản phẩm thép góc mặc dù có hiệu quả cao nhưng khó tăng trưởng thị phần do sản phẩm thay thế, nhu cầu thị trường nội địa không cao, bị cạnh tranh chủ yếu về giá bán từ các công ty sản xuất trong nước. Thị trường xuất khẩu bị cạnh tranh mạnh nên giá bán không cao.

- Công ty là đơn vị thuần sản xuất cán, phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường phôi thép. Cạnh tranh mạnh chủ yếu về giá bán giữa các thương hiệu. Chi phí sản xuất thuần cán cao hơn so với các đơn vị cùng ngành.

- Giá thép xuất khẩu thấp làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động điều tiết sản lượng để tham gia xuất khẩu khi có hiệu quả.

- Công ty hầu như không có vốn lưu động, phải vay ngân hàng toàn bộ với hạn mức Vietinbank 200 tỷ, BIDV 120 tỷ, Vietcombank 50 tỷ và MB 100 tỷ. Khấu hao tài sản vẫn còn cao.

#### 4.3. Xây dựng kế hoạch năm 2026

Trên cơ sở nhận định, đánh giá tình hình thế giới, thị trường thép trong nước, đánh giá năng lực sản xuất-kinh doanh, thuận lợi, khó khăn của công ty. Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL xây dựng kế hoạch năm 2026 như sau:

##### 4.3.1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh – Tài chính và Đầu tư

- Sản xuất 145.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán
- Doanh thu thuần: 1.992,196 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân của người lao động: phấn đấu đạt trên 21,00 triệu đồng/ người/ tháng

##### 4.3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ

###### 4.3.2.1 Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	
3	Xe xúc lật 3m <sup>3</sup> (01 xe)	Tr. đồng	1.900	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	
TỔNG		Tr. đồng	23.400	



Tổng mức đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 23,4 tỷ đồng

**4.3.2.2 Kế hoạch về đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm (đang triển khai)**

- Hoàn thành thủ tục đầu tư nguồn điện 110kv;
- Ký kết hợp đồng tín dụng đối với nguồn vốn vay thương mại;
- Tổ chức đấu thầu và triển khai hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.
- Thực hiện các công tác tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định

**4.4. Các mặt công tác**

**4.4.1. Công tác pháp lý**

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty.
- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.
- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

**4.4.2. Phát triển sản phẩm**

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.
- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao của thép hình.

**4.4.3. Công tác tài chính và đầu tư**

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty.
- Phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thống kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng theo tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.
- Định kỳ hàng tháng thực hiện việc phân tích tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn công ty, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý và có các biện pháp tiết giảm chi phí giá thành, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.
- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.



- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2026 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án: tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

#### **4.5. Các giải pháp chủ yếu năm 2026**

##### **4.5.1. Các chương trình và trọng tâm thực hiện năm 2026**

- Xây dựng phương án dài hạn và hệ thống các giải pháp để từng bước nâng dần sản lượng tiêu thụ đưa khả năng sản xuất công ty tiệm cận với công suất thiết bị để cải thiện chi phí sản xuất/tấn sản phẩm trong môi trường cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về công nghệ, sản xuất phôi. Bao gồm các giải pháp lớn: Cơ cấu sản phẩm, khai thác gia công, thay đổi cơ cấu tiêu thụ: nâng sản lượng thép góc, cải thiện mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ tăng sản phẩm thép cây, thép cuộn. Tổ chức chặt chẽ phân bổ thời gian sản xuất, hợp lý hóa thay đổi mặt hàng, tính toán giá thành thực tế từng sản phẩm...

- Triển khai thực hiện công tác quản trị công ty theo phương án chuyển đổi số, phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh, theo dõi xuất – nhập vật tư. Đảm bảo tích hợp chung toàn công ty để cung cấp thông tin hàng ngày, hàng tháng kịp thời và chính xác đến lãnh đạo công ty.

- Xây dựng chương trình công tác dài hạn về tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực, lực lượng cán bộ kế cận quản lý, kỹ thuật... cho phù hợp với mô hình sản xuất.

- Thực hiện chiến lược đầu tư và hạng mục đầu tư theo hướng tăng được sản lượng, năng suất, hạ giá thành sản xuất và cải thiện điều kiện lao động, tự động hóa, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công ty những năm qua.

- Hoàn thiện các văn bản pháp lý, điều lệ, quy chế quản trị công ty phù hợp, nhất quán với các văn bản pháp luật hiện hành.

##### **4.5.2. Công tác sản xuất kinh doanh**

- Theo dõi sát tình hình thị trường để có giải pháp hiệu quả, điều hành sản xuất kinh doanh linh hoạt, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường.

- Do là đơn vị thuần cán, giá nguyên liệu phôi thép đầu vào ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, giải pháp quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện theo cơ chế thị trường và hợp tác trong hệ thống. Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm nguồn phôi giá hợp lý, cạnh tranh nhưng đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất, tiếp tục chủ trương mua đuổi bán đuổi để giữ mức tồn kho phù hợp với lượng tiêu thụ thép thành phẩm, giảm tối đa nguy cơ trong những thời điểm nhạy cảm biến động giá.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm chi phí sản xuất: nhanh chóng khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư, ổn định thiết bị công nghệ, tăng hiệu suất sử dụng thiết bị để tăng năng suất, tiết kiệm vật tư phụ tùng, giảm cơ số tồn kho vật tư phụ tùng với cơ số tồn kho phù hợp, giảm tiêu hao thép thổi, tiêu hao gas, điện.

- Có chiến lược, giải pháp phát triển thị trường mới. Tăng cường công tác tiếp thị, marketing, quảng bá thương hiệu, đẩy mạnh công tác xuất khẩu trực tiếp và gián tiếp.





- Kết hợp chặt chẽ với khối /V/ trong công tác tiêu thụ sản phẩm, khai thác các sản phẩm có hiệu quả, tìm kiếm thị trường mới. Tham gia một cách hợp lý tiêu thụ thép thanh vân xuất khẩu nhằm giảm thiểu thiệt hại khi thị trường không thuận lợi cho công nghệ thuần cán.

#### **4.5.3. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm**

- Duy trì và nâng cao hiệu quả Phương án QTSX thông qua việc giám sát triển khai các công tác kiểm tra thiết bị, lập kế hoạch bảo trì và triển khai sửa chữa chủ động. Đảm bảo thiết bị công nghệ hoạt động ổn định, không để ngưng sản xuất dài ngày vì sự cố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

- Góp phần kiểm soát chi phí sản xuất thông qua việc kiểm soát chất lượng vật tư phụ tùng, kiểm soát tồn kho, kiểm soát sử dụng vật tư phụ tùng trong sản xuất, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, chống lãng phí

- Triển khai thực hiện sửa chữa lớn thiết bị - xây dựng cơ bản theo đúng kế hoạch, đạt chất lượng, duy trì thiết bị ở tình trạng hoạt động ổn định nhất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 và ISO/IEC 17025 – 2017. Chú trọng, duy trì thực hiện và áp dụng hiệu quả đúng các Quy trình, Quy định, từ nguồn phối đầu vào đến các công đoạn đầu ra của sản phẩm. Tìm hiểu mở rộng sản phẩm thép góc đáp ứng nhu cầu khách hàng.

#### **4.5.4. Công tác quản trị công ty**

- Thường xuyên giáo dục và nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, ý thức tự bảo vệ mình cho người lao động,

- Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kèm cặp tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động kỹ thuật, quản lý, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng nhu cầu hiện tại và cho dự án.

- Tiếp tục cải tiến quy chế tiền lương, phương án trả lương cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ của Công ty để không ngừng cải thiện và nâng cao thu nhập, ổn định đời sống vật chất tinh thần của NLĐ, tạo tâm lý tốt cho sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng phương án PCCC và triển khai thực hiện các quy định về An toàn PCCC; triển khai làm tốt công tác phòng chống bão lụt.

- Đảm bảo chất lượng và an toàn bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Quản lý sử dụng ngày công lao động chặt chẽ và hiệu quả. Thực hiện việc tái cơ cấu, định biên lại lao động, với mục tiêu tinh gọn và hiệu quả.

#### **4.5.5. Công tác đầu tư**

- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.

- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2026 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án:

tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

Với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty cùng sự hỗ trợ của Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam, các đơn vị trong hệ thống thép /V/, bằng những cố gắng nỗ lực của mình, đội ngũ CBCNV và lao động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư năm 2026.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2025 và định hướng nhiệm vụ 2026. Kính trình quý vị cổ đông.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn



**Phụ lục 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT – TIÊU THỤ NĂM 2025**

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	% SO VỚI KH 2025	% SO VỚI NĂM 2024	SẢN LƯỢNG NĂM 2024
<b>A</b>	<b>Sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>110.000</b>	<b>140.836</b>	<b>128,03</b>	<b>150,08</b>	<b>93.841</b>
1	Thép cây vằn	-nt-	68.000	88.010	129,43	157,92	55.732
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	18.977	158,14	241,60	7.855
3	Thép góc	-nt-	30.000	33.849	112,83	111,88	30.254
<b>B</b>	<b>Tiêu thụ</b>	<b>-nt-</b>	<b>110.000</b>	<b>137.616</b>	<b>125,10</b>	<b>143,69</b>	<b>95.774</b>
1	Thép cây vằn	-nt-	68.000	87.255	128,32	155,20	56.220
1.1	- Nội địa	-nt-	49.000	63.243	129,07	158,67	39.858
1.2	- Xuất khẩu	-nt-	19.000	24.012	126,38	146,75	16.362
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	18.209	151,74	214,11	8.504
3	Thép góc	-nt-	30.000	32.152	107,17	103,55	31.050
3.1	- Nội địa	-nt-	15.000	15.653	104,35	94,05	16.643
3.2	- Xuất khẩu	-nt-	15.000	16.499	110,00	114,52	14.407

**Ghi chú:** Xuất khẩu thép góc năm 2025: 16.499 tấn (Thị trường Mỹ - Công ty Nippon Steel Trading Americas. INC): 328 tấn; Thị trường Campuchia – Tập đoàn Chip Mong: 16.171 tấn)

**Phụ lục 2: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	2025 so với 2024	% Tăng/ Giảm
1. Doanh thu thuần	1.601.745	1.902.881	1.391.432	511.449	36,76
2. Giá vốn	1.540.845	1.834.843	1.333.084	501.759	37,64
3. Lợi nhuận gộp	60.900	68.037	58.348	9.689	16,60
4. Chi phí bán hàng	13.000	20.344	13.614	6.730	49,43
5. Chi phí QLDN	30.000	39.407	30.245	9.162	30,29
6. Lợi nhuận từ HĐKD	17.900	8.286	14.489	-6.203	-42,81
7. LN từ HĐ tài chính	-13.000	-1.012	-10.670		
- Doanh thu HĐ tài chính	1.000	10.971	2.665	8.306	311,67
- Chi phí tài chính	14.000	11.983	13.335	-1.352	-10,14
8. LN từ hoạt động khác	100	-1.094	-130		
- Thu nhập khác	500	835	815	20	2,45
- Chi phí khác	400	1.929	945	984	104,13
9. Tổng LN trước thuế	5.000	6.180	3.689	2.491	67,53
10. Chi phí thuế TNDN	1.000	1.225	1.166	59	5,06
11. Lợi nhuận sau thuế	4.000	4.955	2.523	2.432	96,39
12. Nộp ngân sách	1.200	2.397	1.510	887	58,74
13. Tổng số lao động (người)	160	163	152	11	7,24
14. Tiền lương bình quân /tháng	18,73	22,92	16,80	6,12	36,43



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Đại hội đồng cổ đông thông qua**  
**Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra, thẩm định và đã được công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) gồm các nội dung:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL đã được gửi kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, công bố thông tin trên đại chúng và công khai trên website: [//nbsteel.vn/](http://nbsteel.vn/)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Dương Trung Toàn**

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL tiền thân là Nhà máy thép Nhà Bè - đơn vị trực thuộc Công ty Thép Miền Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè theo quyết định số 2253/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103008871 ngày 25 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/03/2025
Ông Phạm Công Dũng	Chủ tịch	Từ ngày 17/01/2025 đến ngày 07/03/2025
	Thành viên	Từ ngày 07/03/2025
Ông Lê Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07/03/2025
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Tính	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Thiệu	Trưởng ban
Ông Bùi Văn Vĩnh	Thành viên
Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Minh Tính - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL**

Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.



Nguyễn Minh Tính

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã  
Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		652.524.058.773	395.356.206.867
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	91.060.666.552	9.822.697.210
111	1. Tiền		10.085.250.175	9.822.697.210
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.975.416.377	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	105.947.981.467	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		105.947.981.467	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		139.952.714.219	197.178.698.737
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	135.950.852.990	196.014.555.975
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.372.443.270	819.523.267
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	629.417.959	344.619.495
140	IV. Hàng tồn kho	08	256.745.266.379	138.595.446.297
141	1. Hàng tồn kho		256.760.546.833	138.617.915.557
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.280.454)	(22.469.260)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.817.430.156	49.759.364.623
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.693.925.402	912.844.963
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		55.821.280.745	48.549.765.651
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	302.224.009	296.754.009
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		78.581.536.251	89.322.276.381
220	I. Tài sản cố định		71.912.070.174	85.351.934.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	71.729.413.475	85.109.777.751
222	- Nguyên giá		357.555.382.737	354.336.893.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(285.825.969.262)	(269.227.115.339)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	182.656.699	242.156.695
228	- Nguyên giá		828.500.000	828.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(645.843.301)	(586.343.305)
230	II. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.478.303.812)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.454.198.916	3.338.014.247
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	5.454.198.916	3.338.014.247
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.215.267.161	632.327.688
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.215.267.161	632.327.688
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<u>731.105.595.024</u>	<u>484.678.483.248</u>



Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã  
Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		394.944.165.031	302.216.648.575
310	I. Nợ ngắn hạn		394.944.165.031	302.216.648.575
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	54.407.440.114	32.387.419.654
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	207.263.472	83.146.035
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	725.297.637	1.120.262.736
314	4. Phải trả người lao động		18.857.250.777	7.406.115.421
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.389.635.981	4.463.242.636
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.493.336.321	1.784.941.266
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	311.829.638.113	254.898.972.187
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		34.302.616	72.548.640
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		336.161.429.993	182.461.834.673
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	336.161.429.993	182.461.834.673
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.290.000.000	144.900.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.290.000.000	144.900.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.944.359.369	7.279.359.369
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		15.890.084.554	15.890.084.554
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.230.000)	(1.230.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		9.110.000.000	4.462.987.068
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.928.216.070	9.930.633.682
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.973.620.750	7.407.503.719
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.954.595.320	2.523.129.963
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		731.105.595.024	484.678.483.248



Nguyễn Thị Phương  
Người lập



Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tinh  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã  
Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.923.025.965.998	1.405.237.749.571
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	20.145.251.079	13.805.265.290
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.902.880.714.919	1.391.432.484.281
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.834.843.485.301	1.333.084.564.566
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.037.229.618	58.347.919.715
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	10.971.061.820	2.665.299.117
22	7. Chi phí tài chính	25	11.983.348.556	13.334.808.842
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.428.101.572	12.291.875.086
25	8. Chi phí bán hàng	26	20.344.300.242	13.613.713.716
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	39.406.659.492	30.245.007.663
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.273.983.148	3.819.688.611
31	11. Thu nhập khác	28	835.237.427	815.114.228
32	12. Chi phí khác	29	1.929.327.618	945.603.816
40	13. Lợi nhuận khác		(1.094.090.191)	(130.489.588)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.179.892.957	3.689.199.023
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.225.297.637	1.166.069.060
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.954.595.320	2.523.129.963
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	191	153



Nguyễn Thị Phương  
Người lập



Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tính  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.179.892.957	3.689.199.023
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.180.050.107	17.416.583.078
03	- Các khoản dự phòng		(7.188.806)	22.469.260
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(142.375.690)	(434.128.392)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.112.669.584)	(14.744.339)
06	- Chi phí lãi vay		11.428.101.572	12.291.875.086
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.525.810.556	32.971.253.716
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		50.631.217.604	(117.805.883.082)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(118.142.631.276)	31.362.050.179
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		36.343.066.130	(27.931.767.516)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.364.019.912)	(485.869.708)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.395.443.002)	(12.221.816.617)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.673.709.258)	(1.087.291.972)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(348.246.024)	(211.994.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.423.955.182)	(95.411.319.000)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.856.370.504)	(11.272.279.222)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105.947.981.467)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.572.707.648	14.744.339
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(105.231.644.323)	(11.257.534.883)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		149.055.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.990.727.764.495	1.375.416.291.787
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.933.797.098.569)	(1.273.912.507.247)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(92.216.525)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		205.893.449.401	101.503.784.540
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		81.237.849.896	(5.165.069.343)

## Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Năm 2025*

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			(Đã điều chỉnh)	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.822.697.210	14.987.570.802
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		119.446	195.751
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	91.060.666.552	9.822.697.210

~~Nguyễn Minh Tính~~  
~~Tổng Giám đốc~~

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026





Số: 15/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua

Quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2025

Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.
- Căn cứ kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm, như sau:

### 1. Quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT và BKS

Stt	Chức vụ	Kế hoạch	Thực hiện	Số tháng quyết toán	Tổng tiền lương
I	Tiền lương thành viên HĐQT và BKS chuyên trách				1.025.160.000
1	Chủ tịch HĐQT	46.500.000	55.800.000	10	558.000.000
2	Trưởng ban kiểm soát	31.200.000	38.930.000	12	467.160.000
II	Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách				264.000.000
1	Thành viên HĐQT 04 người	4.000.000	4.000.000	48	192.000.000
2	Thành viên BKS 02 người	3.000.000	3.000.000	24	72.000.000

**Tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025: 1.289.160.000 đồng**

### 2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sau khi Công ty hoàn thiện kế hoạch tiền lương 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.



**Dương Trung Toàn**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 16/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Đại hội đồng cổ đông thông qua  
việc phân phối lợi nhuận năm 2025**

- Căn cứ vào điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2024	:	4.973.620.750 đồng
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	:	4.954.595.320 đồng
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2025	:	9.928.216.070 đồng
4 Trả cổ tức	:	0 đồng
5 Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng người lao động (25% LNST năm 2025)	:	1.200.000.000 đồng
6 Trích quỹ đầu tư phát triển	:	5.520.000.000 đồng
7 Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	3.208.216.070 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Trung Toàn**





CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 17 / TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

### Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về Kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2026 như sau:

#### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản xuất: - Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán

#### 2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu thuần: 1.992,196 tỷ đồng  
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng

#### 3. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2026

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch			Ghi chú
			Tổng	DN	Vay TM	
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
1	Sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	23.400	10.240	13.160	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	4.600		
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	4.050	9.450	
3	Xe xúc lật 3m <sup>3</sup> (01 xe)	Tr. đồng	1.900	570	1.330	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	300	700	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	720	1.680	
TỔNG		Tr. đồng	382.400	147.240	235.160	

- Tổng mức đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 382.400 tr đồng.
- Nguồn vốn:
  - + Vốn doanh nghiệp: 147.240 tr đồng
  - + Vốn vay thương mại: 235.160 tr đồng

Năm 2026 dự báo thị trường thép có nhiều biến động, kinh tế vĩ mô trong nước gặp nhiều khó khăn. Tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ diễn biến thực tế để cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính – đầu tư phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Trung Toàn**

338  
CY  
IN  
À B  
3EL  
I. Đ





CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua  
Việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán với các  
Công ty có liên quan

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua các nội dung như sau:

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung; Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện Kim Việt Trung (Dự thảo Hợp đồng kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

### Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP**  
**Số : /HĐ/PHOI/SSCV-NB/2026**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ năng lực và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày      tháng      năm 2026 tại Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL, chúng tôi gồm:

**BÊN A (bên bán) : CÔNG TY TNHH MTV THÉP MIỀN NAM- VNSTEEL**

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Số GCNĐKDN: 3502269994 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2014, thay đổi lần thứ 8 ngày 11/07/2025  
Số tài khoản : 0071000795392 tại NH TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM  
Điện thoại : 0254.3922091 Fax : 0254.3921005  
Mã số thuế : 3502269994  
Do Ông : **LÊ VIỆT** – Tổng giám đốc làm đại diện.

**BÊN B (bên mua) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II- Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Số GCNĐKDN: 0305393838 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 06/09/2025.  
Điện thoại : 0251 3569 672 Fax : 0251 3569 673  
Mã số thuế : 0305393838  
Số tài khoản : 111000106412 tại NH TMCP Công Thương VN-CN Nhơn Trạch  
3100793619 tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN-CN TP.HCM.  
1044911786 tại NH TMCP Ngoại Thương VN-CN TPHCM  
Do Ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** – Tổng giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng thỏa thuận ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép (gọi tắt là hàng hóa) với các điều khoản và điều kiện như sau:

**ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HOÁ VÀ QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG**

Bên A đồng ý bán và giao hàng, Bên B đồng ý mua và nhận hàng với quy cách và chất lượng như sau:

- 1.1 **Tên hàng hóa:** Phôi thép các loại theo từng mác thép được thể hiện trong từng Phụ lục Hợp đồng;
- 1.2 **Quy cách hàng hóa:** 120 x 120 x 12.000 (mm);



1.3 **Số lượng:** tấn/tháng, giao trong tháng (từ Tháng /2026 đến Tháng /2026).  
Thống nhất theo từng Phụ lục hợp đồng mỗi tháng;

1.4 **Thành phần hóa học:** Theo TCVN, JIS hiện hành và thống nhất từng phụ lục hợp đồng cho từng tháng, theo bảng dưới đây:

Mác thép	%C	%Si	%Mn	%P	%S	Màu sơn đầu phôi	Mã mác Thép Nhà bè
CB240-T	0,09-0,15	0,12-0,30	0,25-0,50	≤ 0,04	≤ 0,05	Vàng	CT34
CB300-T	0,14-0,22	0,12-0,30	0,40-0,65	≤ 0,04	≤ 0,05	Đỏ	CT 38
SD295	0,18-0,27	0,12-0,3	0,5-0,70	≤ 0,04	≤ 0,05	Đen	CT42
CB300-V	0,28-0,37	0,15-0,35	0,50-0,80	≤ 0,04	≤ 0,05	Xanh lá	CT51

1.5 **Yêu cầu kỹ thuật:**

- Đơn trọng: Phôi 120mm x 120mm x 12m: 1.344 kg/cây, dung sai +/- 8 kg;
- Dung sai về kích cỡ: +/- 4mm;
- Dung sai về chiều dài: +/- 200mm;
- Chênh lệch đường chéo: 12 mm max;
- Bề mặt không có vết nứt, gấp nếp, hờ, hai đầu không có lỗ thủng;
- Đánh dấu: các thanh phôi phải được sơn số mẻ và sơn màu đầu thanh;
- Hàng rời hoặc đóng bó theo tiêu chuẩn của Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL;
- Xuất xứ: Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL – KCN Phú Mỹ 1, P.Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ:**

2.1. Đơn giá được xác định theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ giá bán trả ngay của thép thanh vằn gân D12CB300V tại kho Hòa Phát Bình Dương vào ngày làm việc cuối mỗi tháng.

Giá phôi sẽ bằng: Thép D12CB300V Hòa Phát Bình Dương (trừ) – đ/kg.

- Xác nhận giá: là mức giá cuối cùng hai bên xác nhận cho lô hàng dựa theo thông báo của giá thép cây thành phẩm của Hòa Phát Bình Dương (D12CB300V) bằng tin nhắn/ email/ văn bản, vào ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng.
- Trong trường hợp giá phát sinh sẽ được thể hiện theo hợp đồng hoặc phụ lục của tháng giao hàng.

2.2. Giá bán:

- Giá bán sẽ được đề cập trong từng Phụ lục Hợp đồng và có hiệu lực áp dụng vào từng thời điểm cụ thể.

**ĐIỀU 3: GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

3.1. **Địa điểm giao hàng:** tại kho của Bên B

3.2. **Kế hoạch giao hàng:**

+ Giao hết tấn trước ngày 10 của tháng, hoặc thỏa thuận khác theo Phụ lục Hợp đồng từng thời điểm;

**3.3. Phương thức giao hàng:** theo Phụ lục hợp đồng từng thời điểm;

- Trong trường hợp nghi ngờ và/hoặc phát hiện hàng có tổn thất, Bên B phải thông báo bằng văn bản ngay cho Bên A để kịp thời dự kháng khiếu nại và có biện pháp xử lý;
- Tiến độ giao nhận hàng: ít nhất      tấn/ngày;

#### **ĐIỀU 4: LẬP HÓA ĐƠN & THANH TOÁN**

**4.1. Lập hóa đơn:** Số lượng hàng hóa giao nhận theo Phiếu cân, cân 80 tấn Bên B là cơ sở để Bên A xuất hóa đơn.

**4.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ (nếu có);**

**4.3. Thời hạn thanh toán:** Bên B sẽ thanh toán cho Bên A theo tài khoản ghi trên hợp đồng này trong vòng 10 ngày (bao gồm cả ngày Lễ, Tết, thứ 7 & Chủ Nhật) kể từ ngày xuất hóa đơn và Bên B nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- + Hóa đơn GTGT (điện tử);
- + Biên bản giao nhận;
- + Bảng thành phần hóa học của lô hàng;

Quá thời hạn nêu trên, Bên B sẽ chịu theo lãi suất 7% năm tính trên tổng giá trị hàng hóa và thời gian quá hạn. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

#### **ĐIỀU 5: GIÁM ĐỊNH**

**5.1. Số lượng, trọng lượng:** Theo Phiếu cân/Biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên;

**5.2.** Trường hợp Bên B nghi ngờ chất lượng lô hàng phối thép Bên A giao cho Bên B theo từng Phụ lục hợp đồng không phù hợp chất lượng quy định tại Điều 1, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng. Bên A sẽ mời đơn vị giám định độc lập thực hiện giám định hàng hóa. Kết quả giám định là cơ sở giải quyết khiếu nại. Nếu kết quả giám định không phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên A chịu; nếu kết quả giám định phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên B chịu.

#### **ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

**6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B kế hoạch giao hàng trước 2 ngày làm việc.
- Giao hàng cho Bên B đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng này và (các) phụ lục (nếu có);
- Đảm bảo rằng hàng hóa được mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của của Bên A và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ là đối tượng bị tranh chấp;
- Phát hành đầy đủ và kịp thời hoá đơn GTGT và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này;
- Trong suốt quá trình giao hàng tại nhà máy của Bên B, Bên A phải đảm bảo rằng mọi nhân sự của Bên A và/hoặc bên thứ ba theo chỉ định của Bên A tham gia vào quá trình giao nhận hàng sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ mọi nội quy và quy trình nội bộ của Bên B cũng như hướng dẫn của Bên B. Trường hợp nhân sự của Bên A và/hoặc bên thứ ba theo chỉ định của Bên A vi phạm nội quy và quy trình nội bộ của Bên B mà gây tổn thất cho bên B, thì Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất (nếu có) cho Bên B do hành vi vi phạm gây ra.



## **6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:**

- Khi Bên A thông báo giao hàng, Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện/kho bãi, nhân lực chuẩn bị tiếp nhận hàng đảm bảo tiến độ;
- Phối hợp với Bên A để giao nhận hàng hóa, đảm bảo giao hàng/giải phóng phương tiện của các bên kịp tiến độ. Nếu Bên B chậm dỡ hàng và/hoặc kéo dài thời gian giao nhận/dỡ hàng, Bên B phải chịu mọi chi phí đọng vốn, chi phí quản lý và chi phí vận tải, chi phí lưu xe phát sinh do việc chậm giao nhận/dỡ hàng gây ra;
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại điều 4.3 của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 7: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

**7.1. Vi phạm Hợp đồng:** Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

**7.2. Phạt vi phạm Hợp đồng:** Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

**7.3. Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:**

- Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên A không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa theo Thông báo của Bên A, mà Bên B từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa phù hợp tiến độ quy định tại mục 3.3 Điều 3, theo từng Phụ lục hợp đồng hoặc Thông báo giao hàng của Bên A (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên B từ chối nhận và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa phù hợp tiến độ. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

## **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào có khó khăn, vướng mắc thì thông báo cho bên kia biết để cùng phối hợp giải quyết;
- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu;
- Mọi sửa đổi bổ sung trong thời gian hiệu lực của hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên và lập thành văn bản. Văn bản, phụ lục bổ sung (nếu có) là một phần không thể tách rời của hợp đồng;
- Hợp đồng có giá trị từ ngày ký đến / /2026; Sau 30 ngày kể từ ngày các bên đã hoàn tất các nghĩa vụ của mình và không có tranh chấp xảy ra thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý;



- Hai bên cam kết bảo mật cho nhau các thông tin liên quan đến Hợp đồng & các Phụ lục hợp đồng;
- Hợp đồng được lập thành 04(bốn) bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**LÊ VIỆT**

**NGUYỄN MINH TÍNH**

593  
NG  
PH  
P N  
NS  
RAC





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

## HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

Số : /HĐ2026/TNB-VKC

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại Văn phòng Công ty CP Thép Nhà Bè-VNSTEEL , đại diện hai bên là:

### Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
Điện thoại : 02513.569.672 Fax: 02513.569.673  
Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL  
Tài khoản 1 : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai  
Tài khoản 2 : 31 00 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN TP.HCM  
Mã số thuế : 0305393838  
Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH TÍNH Chức vụ: Tổng Giám đốc

### BÊN A (BÊN BÁN) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC – VNSTEEL

- Địa chỉ : Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại : (028) 3969612 - Fax: (028) 37310154
- Tài khoản : 115000005273 Ngân Hàng Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh 0071001136561- tại TMCP Ngoại Thương VN, CN-TP HCM
- Mã số thuế : 0305409326
- Người đại diện : Ông HOÀNG ĐỨC HOA Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép năm 2026 với các điều khoản như sau:

### ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ CẢ, XUẤT XỨ

#### 1.1 Hàng hóa:

- Hàng tháng, Bên B bán cho Bên A các sản phẩm phôi thép do Bên B sản xuất dựa theo nhu cầu của Bên A và khả năng cung cấp của bên B.
- Các sản phẩm phôi thép của bên B được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Nhật (JIS)
- Bên B cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên B khi bên A yêu cầu.
- Yêu cầu về kỹ thuật:
  - + Dung sai về chiều rộng: +/-2%
  - + Chênh lệch đường chéo: 12mm max
  - + Độ xoắn: 2 độ/mét max

838  
TY  
ÂN  
HÀ  
TEE  
H.1.

- + Độ cong cho phép/camber: 10mm/m max
  - + Bề mặt không bị nứt, gập nếp, hai đầu phôi không có rỉ co, phôi không rỉ bên trong
  - + Đóng gói: Hàng rời theo tiêu chuẩn của nhà máy.
  - + Đánh dấu: Số lô, số mẻ sản xuất được ghi rõ ở đầu mỗi thanh phôi.
- Xuất xứ: Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel; địa chỉ: Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Thủ Đức, Tp. HCM.

#### 1.2 Số lượng, quy cách:

Số lượng và quy cách sản phẩm phôi thép được xác định theo nhu cầu hàng tháng của bên A và khả năng cung cấp của Bên B. Cơ sở xác định trọng lượng: Là trọng lượng phôi thép thực tế theo cân điện tử tại Bên mua. Các bên sẽ cử đại diện giám sát việc giao nhận hàng và cùng ký xác nhận bằng Biên bản giao nhận hàng.

#### 1.3 Đơn giá:

Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai Bên tại từng thời điểm.

### ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

1. Địa điểm giao hàng: Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. Phương thức giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A trên phương tiện vận tải của Bên B tại kho Bên A làm một/ nhiều đợt. Bên B có trách nhiệm thông báo thời gian và lượng hàng giao để Bên A bố trí người và phương tiện nhận hàng.

### ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Bên B đồng ý bán sản phẩm phôi thép cho bên A theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ không quá 45.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng)

3.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Giá trị hàng hóa được thanh toán theo từng đợt giao hàng dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế tại kho của Bên mua với thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Bên A. Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ góc:

Bộ chứng từ góc, gồm có:

- a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;
  - b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
  - c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
  - d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên A cung cấp);
  - e) Bên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.
- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, Bên A phải thanh toán cho Bên B tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/ năm. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày. Nếu quá thời hạn trả chậm nợ quá hạn, Bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B, thì Bên A phải chịu lãi suất phạt bằng 150% lãi suất nợ quá hạn cho số tiền quá hạn.

CHỖ  
BÊN  
L  
ĐỒNG



## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **4.1 Trách nhiệm của Bên B:**

- Cung cấp kịp thời các thông tin về khả năng, giá bán từng thời điểm khi nhận được yêu cầu của bên A.
- Giao hàng cho bên A đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng / Phụ lục hợp đồng.
- Đảm bảo rằng hàng hóa mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên B và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời Hóa đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.
- Trong quá trình giao hàng tại kho của Bên A, Bên B phải bảo đảm rằng mọi nhân sự của Bên B và/ hoặc bên thứ ba theo chỉ định của bên B phải nghiêm chỉnh tuân thủ nội quy và quy trình nội bộ cũng như hướng dẫn của bên A. Trường hợp vi phạm mà gây tổn thất cho Bên A, thì Bên B cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

### **4.2 Trách nhiệm của Bên A**

- Thông báo cho Bên B kế hoạch nhận hàng trước hai ngày làm việc; chuẩn bị kho bãi, nhân lực để tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên B để giao nhận hàng, bảo đảm giải phóng phương tiện nhanh chóng đúng tiến độ. Nếu xuống hàng chậm và/ hoặc kéo dài thời gian xuống hàng, Bên A phải chịu mọi chi phí động vốn, lưu xe do chậm xuống hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:**

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng/Đơn đặt hàng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên B không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được căn trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên A từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên A từ chối nhận. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/



hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

#### **ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI:**

6.1 Bên B có trách nhiệm nhận lại hàng nếu hàng giao không đạt chất lượng như Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp khiếu nại về chất lượng và số lượng: Bên A thông báo và gửi khiếu nại cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao nhận hàng tại kho Bên A.

6.2 Bên B phải giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của Bên A. Việc giải quyết khiếu nại căn cứ vào kết quả kiểm tra của Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và đo lường của Bên A. Trường hợp Bên B muốn có chứng thư giám định của đơn vị độc lập, bên B có thể mời giám định SGS. Chi phí giám định và chi phí khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.3 Bên A có quyền dừng việc thanh toán cho Bên B nếu phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng như cam kết của Điều 1 Hợp đồng này nhưng tổng số tiền dừng thanh toán không vượt quá 20% tổng trị giá hợp đồng.

#### **ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG:**

Trong trường hợp như hỏa hoạn, lụt lội, chiến tranh dẫn đến việc không thực hiện được toàn bộ hay một phần của Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng thì các bên sẽ được giải phóng trách nhiệm mà không bên nào có lỗi.

#### **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn phát sinh, hai bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau và cùng nhau phối hợp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ. Toàn bộ án phí do bên có lỗi chịu.

8.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên bằng phụ lục hợp đồng có chữ ký và dấu của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

8.3 Hợp đồng được chấp nhận ký bằng bản gửi qua mail hoặc bản gốc và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

8.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực ngày 31/12/2026, sau khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong bản hợp đồng này.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

539  
ÔNG  
CỔ P  
EP N  
VNS  
TRAC





DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP**  
**Số: 274-2026/HMC.PKD-TNB**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công Ty Cổ Phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại văn phòng Công Ty CP Kim Khí TP.HCM - Vnsteel, Chúng tôi gồm:

**Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- VNSTEEL**

Địa chỉ : 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 028-38 294 623 – 028 38 244 155 Fax: 028 38 290 403  
Tài khoản số : 3100009857 tại BIDV- Chi nhánh TPHCM  
Mã số thuế : 0300399360  
Người đại diện : Ông LÊ VĂN QUANG Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

**Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL**

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.  
Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673  
Tên tài khoản : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**  
Tài khoản 1 : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai  
Tài khoản 2 : 31 00 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN TP.HCM  
Mã số thuế : **0305393838**  
Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH TÍNH Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

**1.1 Các định nghĩa:**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thoả thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thoả thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

## 1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

## ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

## ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

### 3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### 3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.



### 3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

### 3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

### 3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

### 3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

## **ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG**

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

#### 4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).

#### 4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

#### 4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

## **ĐIỀU 5. THANH TOÁN**

Phương thức thanh toán:

#### 5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

#### 5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

#### 5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;

- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
- e) Bên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **6.1 Nghĩa vụ của Bên A:**

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

### **6.2 Quyền của Bên A:**

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

### **7.1 Nghĩa vụ của Bên B:**

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

### **7.2 Quyền của Bên B:**

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

## **ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng



đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026.

## **ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG**

- 10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

- 10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC**

- 11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.

- 11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.

- 11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.

- 11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

## **ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra **Tòa án kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh** để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

### **ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**